

Bản án số: 75/2022/HC-PT  
Ngày 23 - 3 - 2022  
V/v “*Kiểm quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Công Thi**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án - Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Lê Văn Thành**, K sát viên.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 16/2022/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2021/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Công L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 122 Đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* A Trần Hoài K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 118 Đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt

- ***Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng có đơn xử vắng mặt

2. Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng có đơn xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Bảo T – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thanh T – Công chức địa chính, vắng đơn xử vắng mặt

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S, tỉnh Phú Yên. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hữu H – Giám đốc, có mặt

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, tỉnh Phú Yên. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Bảo T – Phó Trưởng phòng, có mặt

4. Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

5. Phòng Quản lý đô thị thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng đơn xử vắng mặt

6. A Trần Hoài K, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Số 118 Đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (anh K có mặt, chị O vắng mặt)

7. Bà Trương Thị K, sinh năm 1928. Địa chỉ: phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

8. Bà Lê Thị K, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 122 Đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

*Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Công L: A Trần Hoài K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Trần Công L, anh Trần Hoài K (đồng thời đại diện cho chị Nguyễn Thị Hoàng A, bà Lê Thị K) trình bày: Cha mẹ ông Trần Công L tạo lập được nhà, đất tại địa chỉ số 118 đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Gia đình ông L sinh sống ổn định tại ngôi nhà này hơn 60 năm, có giấy tờ hợp pháp. K UBND thị xã S thu hồi đất xây dựng công trình kè bờ Nam sông T thì thu hồi của gia đình ông L thửa đất số 02 (diện tích 8,5m<sup>2</sup>) và thửa đất số 04 (diện tích 58,2m<sup>2</sup>). Việc thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 02 thì ông L không khiếu kiện.

Ông L chỉ khiếu kiện việc bồi thường đối với thửa đất số 04 (diện tích 58,2m<sup>2</sup> đất ở đô thị) vì UBND thị xã tính giá 4.675.000đ/m<sup>2</sup> để bồi thường là không thỏa đáng, theo giá thị trường, chuyển nhượng thực tế tại địa phương là 20.000.000đ/m<sup>2</sup>. Ngoài ra, diện tích đất còn lại sau khi thu hồi và trừ hành lang đường bộ chỉ còn 40m<sup>2</sup>, không đủ diện tích đất tối thiểu cho gia đình 05 người sinh sống (vợ chồng anh Trần Hoài K, chị Nguyễn Thị Hoàng O và 03 người con), vợ chồng ông L đứng tên trên GCNQSD đất nhưng đã cho vợ chồng anh K sinh sống trên đất.

Do đó, ông Trần Công L yêu cầu UBND thị xã S tính toán bồi thường theo giá 20.000.000đ/m<sup>2</sup> đối với diện tích đất 58,2m<sup>2</sup> đã thu hồi và giao cho ông Trần Công L một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, người khởi kiện (anh Trần Hoài K người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện) bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa hủy các quyết định hành chính, gồm:

- Quyết định số 3737/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S (phần bồi thường đối với thửa đất số 04).

- Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của UBND thị xã S về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S. Vì vẫn áp dụng giá đất 4.675.000đ/m<sup>2</sup> là quá thấp so với giá thị trường.

- Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công L (lần đầu).

Ngoài ra, tại phiên tòa ông L yêu cầu UBND thị xã Sông cầu bồi thường diện tích đất 8,5m<sup>2</sup> (thửa đất số 02) bị thu hồi theo giá đất ở, chứ theo giá đất trồng cây 2 hàng năm là không đúng, vì diện tích đất này ông L đã nhận chuyển nhượng trên năm, chưa có giấy chứng nhận nhưng đã sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng đến khi bị thu hồi. Ông L yêu cầu UBND thị xã S cấp GCNQSD đất thửa đất còn lại sau khi thu hồi.

*Tại các văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện, tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

Trung tâm phát triển quỹ đất là cơ quan tham mưu giá đất cụ thể để thực hiện dự án kè bờ Nam sông T. Ngày 23/7/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất có Tờ trình số 346/TTr-PTQĐ gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định. Ngày 03/8/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 1744/TTr-TNMT gửi UBND thị xã. Ngày 07/8/2018 UBND thị xã ban hành Quyết định số 3532/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án kè bờ Nam sông T, trong đó thửa đất số 04 của ông Trần Công L có giá 4.675.000đ/m<sup>2</sup>.

Đối chiếu với Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm, Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về hệ số điều chỉnh giá đất ở thì giá đất cụ thể chênh lệch tăng 775.000đ/m<sup>2</sup>.

Vậy, UBND thị xã đã xác định giá đất cụ thể đối với thửa đất số 04 của ông Trần Công L vào năm 2018 theo đúng Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 29/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Phú Yên. Do đó, ông L yêu cầu bồi thường theo giá đất 20.000.000đ/m<sup>2</sup> đối với diện tích đất ở bị thu hồi 58,2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 04 là không có cơ sở pháp luật.

K thực hiện dự án ảnh hưởng đến hai thửa đất có nhà ở của ông L nhưng nhà ở chính tại hai thửa đất không bị ảnh hưởng, ông L không phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 1 Điều 6 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên thì ông L không được giao đất tái định cư. Mặc dù, ông L bị thu hồi đất ở nhưng nhà ở tại địa chỉ số 118 đường P (thửa đất số 04, diện tích còn lại 69,3m<sup>2</sup>) và nhà ở tại địa chỉ số 122 đường P (thửa đất số 02, diện tích còn lại 145,9m<sup>2</sup>) vẫn do gia đình ông L quản lý,

sử dụng. Vì vậy, ông L yêu cầu giao cho ông một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận.

Ngày 29/6/2021 UBND thị xã đã cấp Giấy phép xây dựng nhà 04 tầng cho ông Trần Công L xây dựng trên diện tích đất 46,7m<sup>2</sup> (thửa đất số 04) và hiện nay ông L đang xây dựng nhà. Đến nay ông L chưa chịu nhận tiền bồi thường và không nộp GCNQSD đất cho cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động và cấp đổi GCNQSD đất cho ông L theo quy định.

Đối với diện tích đất 8,5m<sup>2</sup> (thửa 02) nằm ngoài GCNQSD đất cấp cho ông L, tại thời điểm thu hồi đất không có công trình xây dựng, nên xác định loại đất trồng cây lâu năm. Ông L chưa nộp hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp GCNQSD đất theo trình tự, thủ tục mà tại phiên tòa yêu cầu cấp GCNQSD đất còn lại của thửa số 02 là không có cơ sở để giải quyết. Đề nghị ông L làm thủ tục đăng ký, đề nghị cấp GCNQSD đất tại cơ quan có thẩm quyền.

*Đại diện UBND phường X, thị xã S, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sông cầu thống nhất với quan điểm của người bị kiện.*

*Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có lời trình bày.*

*Đại diện Phòng Quản lý đô thị thị xã S trình bày:* Ngày 29/6/2021 UBND thị xã S cấp Giấy phép xây dựng cho ông Trần Công L được xây dựng nhà 04 tầng, trên diện tích đất 46,7m<sup>2</sup> (đã trừ diện tích đất hành lang đường P), hiện nay ông L đang xây dựng nhà.

*Bà Trương Thị K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có lời trình bày.*

***Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2021/HC-ST, ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:***

*Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 74, điểm c khoản 2 Điều 83, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013.*

*Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công L về yêu cầu hủy:*

*Quyết định số 3737/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S (phần bồi thường đối với thửa đất số 04).*

*Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S.*

*Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày '09/8/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công L.*

Về yêu cầu: ủy ban nhân dân thị xã S bồi thường diện tích đất 58,2m<sup>2</sup> đã thu hồi với giá 20.000.000đ/m<sup>2</sup> và giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 anh Trần Hoài K là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Công L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo, lý do của việc kháng cáo anh K trình bày, yêu cầu xem xét lại giá đất bồi thường, hiện bồi thường giá 4.675.000 đ/m<sup>2</sup> là quá thấp so với thị trường và xin mua một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất do diện tích còn lại chỉ có 46,7m<sup>2</sup> không đảm bảo sinh hoạt cho 05 nhân khẩu trong gia đình của anh K, ngày 19/3/2022 ông Trần Công L có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, trong cùng một dự án xây dựng “Bờ kè Nam cầu sông Thị Thạc” nhưng tại Bản án số 10/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lại được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh K, ông L giữ nguyên kháng cáo.

K sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, K sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoài K và ông Trần Công L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của anh Trần Hoài K, người đại diện cho ông Trần Công L, xét thấy:

[1]. Tại giai đoạn sơ thẩm ông K yêu cầu hủy 03 Quyết định hành chính số 3737/QĐ-UBND ngày 29/8/2018; số 454/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của ủy ban nhân dân thị xã S và Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã S, yêu cầu bồi thường 8,5m<sup>2</sup> thửa đất số 02 theo giá đất ở. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm thì anh K kháng cáo về nội dung, yêu cầu xem xét về giá đất bồi thường và yêu cầu được mua một lô đất tái định cư.

[1.1]. Xem xét kháng cáo về giá đất bồi thường, xét thấy, ngày 07/08/2018 UBND huyện S ban hành QĐ số 3532/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Công trình kè bờ nam sông T, theo quyết định nêu trên ông L bị thu hồi diện tích 58,2m<sup>2</sup>, giá đất ở được xác định theo quyết định 3532/QĐ-UBND là 4.675.000đ/m<sup>2</sup>. UBND tỉnh Phú Yên đã căn cứ theo quy định tại Điều 74, 114 Luật đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính Phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 29/6/2014 của Bộ tài nguyên môi trường để ban hành Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014, về việc ban hành đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/2/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về hệ số điều chỉnh giá đất của năm 2018. Như vậy, tại Quyết định số 3532/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với ông L là đúng với các Điều 74; Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 29/6/2014 của Bộ tài nguyên môi trường. Việc ông Trần Công L khiếu nại liên quan giá đất là không có căn cứ, tại Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S đã không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông Trần Công L là có cơ sở pháp luật. Như vậy, việc thu hồi đất của ông Trần Công L vào thời điểm thực hiện Dự án kè bờ nam sông T, thị xã S đã xác định giá trị bồi thường 4.675.000 đồng/m<sup>2</sup> là đúng với các quy định của pháp luật, ông L yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> là không có căn cứ. Tại Bản án sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông L về việc yêu cầu bồi thường giá đất 20.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với diện tích 58,2 m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2]. Đối với kháng cáo yêu cầu được mua 01 lô đất tái định cư, xét thấy: Sau khi nhà nước thu hồi 58,2 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 04 địa chỉ 118 đường P thì phần đất còn lại có diện tích 69,3 m<sup>2</sup> là trên hạn mức tối thiểu khi tách thửa, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì trường hợp của ông L không được giao đất tái định cư vì phần đất còn lại vẫn đảm bảo để ở, không phải di chuyển chỗ ở. Mặt khác, ngoài diện tích đất nói trên thì ông L vẫn có nhà ở tại địa chỉ số 122, đường P, diện tích 145,9 m<sup>2</sup> nên ông L không thuộc trường hợp được bố trí đất tái định cư, kể cả việc có thu tiền sử dụng đất.

Từ những nhận định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoài K, đại diện theo ủy quyền của ông L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đối với việc ông L so sánh giá bồi thường tại một vụ án khác là không có cơ sở để xem xét.

[2]. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm, Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1/. Bác toàn bộ kháng cáo của anh Trần Hoài K, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Công L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2021/HC-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2/. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 74, điểm c khoản 2 Điều 83, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 29/6/2014 của Bộ tài nguyên môi trường.

Xử: Bác toàn bộ khởi kiện của ông Trần Công L về yêu cầu hủy:

- Quyết định số 3737/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S (phần bồi thường đối với thửa đất số 04).

- Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình kè bờ Nam sông T, thị xã S.

- Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Công L.

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Trần Công L về yêu cầu: Ủy ban nhân dân thị xã S bồi thường diện tích đất 58,2m<sup>2</sup> đã thu hồi với giá 20.000.000đ/m<sup>2</sup> và giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

3/. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Khoản 1, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Trần Công L phải chịu 300.000 đồng án phí, ông L đã nộp đủ tại Biên lai số 0000006 ngày 07/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên ;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên ;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**